TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Việt;
2. Ông Vũ Hữu Hưởng.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1992. Số CCCD 014192005732. Địa chỉ: Bản C, xã Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1992. Số CCCD 014092005072. Địa chỉ: Bản C, xã Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 04/7/2025, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử chị Nguyễn Thị K trình bày:*

Chị và anh Bùi Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Dưới đây viết tắt là UBND) xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La (Hiện nay là xã Y, tỉnh Sơn La) và được 2

bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sống chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q ham chơi không chăm lo đến gia đình, vợ con, chị có góp ý thì bị anh Q đánh đập và xúc phạm, nhưng vì con còn nhỏ nên chị đã bỏ qua cho anh Q nhiều lần. Đến tháng 7 năm 2025 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh Q vẫn không thay đổi và chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản M, xã Y và sống ly thân cho đến nay. Hiện nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung là cháu Bùi Nhật H, sinh ngày 29/11/2011 và cháu Bùi Nguyên K, sinh ngày 02/8/2016. Chị và anh Q đã thỏa thuận với nhau chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, còn cháu H là do anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị K không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh Q đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị K cam kết không có và không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

** Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử bị đơn anh Bùi Văn Q trình bày:*

Anh Bùi Văn Q hoàn toàn nhất trí như phần trình bày của chị Nguyễn Thị K về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, nhưng theo anh Q nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của anh thường xuyên phải đi xa nhà, Chị K ở nhà không chung thủy, vì vậy vợ chồng sảy ra xô xát, cãi vã. Khi mâu thuẫn sảy ra anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành, Chị K tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở bản M, xã Y từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay. Hiện nay Chị K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh thấy tình cảm chung vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức phải ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung là cháu Bùi Nhật H, sinh ngày 29/11/2011 và cháu Bùi Nguyên K, sinh ngày 02/8/2016. Anh và Chị K đã thỏa thuận anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hiếu, còn cháu K nhất trí để cho Chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không yêu cầu Chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh và Chị K đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Q cam kết không có và không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử (Dưới đây viết tắt là HĐXX) tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Bùi Văn Q.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu cháu Bùi Nhật H, sinh ngày 29/11/2011 cho anh Bùi Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu cháu Bùi Nguyên K, sinh ngày 02/8/2016 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Bùi Văn Q đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Bùi Văn Q cam kết không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm

theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Q, xét thấy là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Bùi Văn Q cư trú tại Bản C, xã Y, tỉnh Sơn La nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 26/11/2010 chị Nguyễn Thị K và anh Bùi Văn Q tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La (Nay là xã Y, tỉnh Sơn La), căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa Chị K và anh Q là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, Chị K và anh Q đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng Chị K và anh Q đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho Chị K được ly hôn với anh Quyết, theo quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị K và anh Q có 02 con chung là cháu Bùi Nhật H, sinh ngày 29/11/2011 và cháu Bùi Nguyên K, sinh ngày 02/8/2016, Chị K và anh Q thỏa thuận giao cháu Bùi Nhật H, sinh ngày 29/11/2011 cho anh Bùi Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Nguyên K, sinh ngày 02/8/2016 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, Chị K và anh Q không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy sự thỏa thuận trên của Chị K anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị K và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị K và anh Q đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị K và anh Q cam kết không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Nhật H, sinh ngày 29/11/2011 cho anh Bùi Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu cháu Bùi Nguyên K, sinh ngày 02/8/2016 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, Chị K và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị K và anh Q đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000441 ngày 15/10/2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K và anh Bùi Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/11/2025).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND Khu vực 4 – Sơn La;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 4 – Sơn La;
- UBND xã Y, tỉnh Sơn La;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Hải